

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 2 – Nhóm 04

Số tín chỉ: 02

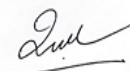
CBGD: Nguyễn Thành Quân

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2121170014	Võ Mai	Anh	28/11/2003	CCQ2117A	7.8	7	7.3	
2	2121170006	Nguyễn Hải	Bằng	25/12/2003	CCQ2117A	6.8	6	6.3	
3	2121200095	Hồ Thị Ngọc	Bích	10/06/2003	CCQ2120C	7.2	7	7.1	
4	2121150051	Lê Khánh	Duy	14/11/2003	CCQ2115B	7.8	8	7.9	
5	2121170002	Trần Xuân	Dự	21/03/2003	CCQ2117A	7.7	7	7.3	
6	2121110329	Đặng Thành	Đạt	26/09/2003	CCQ2111J	8.8	9	8.9	
7	2121060003	Nguyễn Tuấn	Đạt	16/03/2003	CCQ2106A	7.5	7	7.2	
8	2121170026	Vương Nguyễn Tiến	Đạt	30/10/2001	CCQ2117A	7.7	6	6.7	
9	2121170001	Lê Minh	Đức	23/11/2003	CCQ2117A	7.2	6	6.5	
10	2120120457	Vũ Thị Mỹ	Hạnh	05/06/2002	CCQ2012N	7.3	7	7.1	
11	2121170632	Trần Hồng	Hậu	13/09/2003	CCQ2117A	8.2	7	7.5	
12	2121170029	Nguyễn Đắc Minh	Hiếu	27/10/2003	CCQ2117A	7.3	6	6.5	
13	2121170007	Nguyễn Trung	Hiếu	31/10/2003	CCQ2117A	7.0	6	6.4	
14	2121170633	Nguyễn Văn	Hòa	19/12/2003	CCQ2117A	7.7	7	7.3	
15	2121170011	Phạm Văn	Hoàng	08/04/2002	CCQ2117A	8.2	7	7.5	
16	2121170013	Dương Minh	Hùng	30/11/2003	CCQ2117A	6.8	6	6.3	
17	2121170021	Đinh Hồng	Huy	04/08/2003	CCQ2117A	7.7	7	7.3	
18	2121170019	Lê Duy	Huy	13/05/2003	CCQ2117A	9.0	9	9.0	
19	2121120055	Đàm Thị Như	Huỳnh	13/07/2003	CCQ2112B	7.2	7	7.1	
20	2121170015	Nguyễn Thành Bảo	Khang	15/10/2003	CCQ2117A	6.8	5	5.7	
21	2121170034	Nguyễn Duy	Kiên	20/09/2003	CCQ2117A	7.7	6	6.7	
22	2121170355	Nguyễn Tuấn	Kiệt	04/12/2003	CCQ2117K	8.2	9	8.7	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
23	2120120162	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/08/2002	CCQ2012C	0.0	0	0.0	Vắng
24	2121260032	Trần Thị Ánh	Linh	02/08/2003	CCQ2126A	7.8	7	7.3	
25	2121170634	Bùi Minh	Lý	20/07/2003	CCQ2117A	8.3	8	8.1	
26	2122240061	Phạm Hoàng Xuân	Mai	25/02/1998	CCQ2224B	5.8	5	5.3	
27	2121170022	Lưu Ngọc	Minh	26/12/2003	CCQ2117A	7.0	6	6.4	
28	2119180020	Đỗ Thành	Nam	02/02/2001	CCQ1918A	8.3	8	8.1	
29	2121170003	Nguyễn Trọng	Nghĩa	14/05/2003	CCQ2117A	7.2	7	7.1	
30	2119260182	Nguyễn Mỹ	Ngọc	27/09/2000	CCQ1926E	6.3	6	6.1	
31	2121170028	Trần Văn	Nhà	20/04/2003	CCQ2117A	7.5	6	6.6	
32	2121170031	Nguyễn Hữu	Nhất	30/11/2003	CCQ2117A	7.0	5	5.8	
33	2121170631	Phạm Thành	Nhật	08/08/2003	CCQ2117A	7.0	7	7.0	
34	2121170575	Trần Trọng	Quý	15/11/2003	CCQ2117Q	7.8	7	7.3	
35	2121170017	Hà Minh	Quốc	30/08/2003	CCQ2117A	7.7	8	7.9	
36	2121060040	Phạm Thành	Thạch	10/12/2003	CCQ2106B	9.2	5	6.7	
37	2121170020	Ngô Tấn	Thái	08/02/2003	CCQ2117A	6.8	6	6.3	
38	2121170004	Nguyễn Quang	Thành	05/02/2003	CCQ2117A	7.8	7	7.3	
39	2121120527	Trần Nhật	Thành	12/03/2003	CCQ2112P	8.5	8	8.2	
40	2121170016	Đặng Trương Việt	Thắng	07/08/2003	CCQ2117A	7.0	6	6.4	
41	2121170010	Lê Anh	Thọ	30/09/2003	CCQ2117A	6.2	6	6.1	
42	2121170024	Lê Quốc	Tín	05/08/2003	CCQ2117A	8.7	6	7.1	
43	2121120338	Ngô Thị Thùy	Trang	17/01/2003	CCQ2112J	7.2	7	7.1	
44	2121170030	Đỗ Nguyên	Tùng	14/02/2002	CCQ2117A	6.0	7	6.6	
45	2121170035	Cao Tấn	Võ	10/10/2001	CCQ2117A	7.5	5	6.0	
46	2121170025	Nguyễn Lê Anh	Vũ	27/11/2003	CCQ2117A	6.5	6	6.2	

TPHCM, ngày 27 tháng 10 năm 2022

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân